

ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ VÀ HÀNH VI TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA THANH NIÊN

Nguyễn Tuấn Anh

Viện Nghiên cứu Thanh niên.

TÓM TẮT

Bằng việc nghiên cứu bảng hỏi trên 600 thanh niên tại Hải Phòng và Thừa Thiên - Huế, nghiên cứu đã mô tả thực trạng định hướng giá trị và thực trạng mức độ thực hiện hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên hiện nay. Theo đó, thanh niên hiện nay coi trọng nhất các giá trị: An toàn, Tuân thủ; Lòng nhân ái; Phổ quát và Truyền thống. Mức độ thực hiện các hành vi trách nhiệm xã hội khá cao, trong đó, cao nhất là hành vi trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực môi trường. Đồng thời, nghiên cứu cũng phát hiện ra rằng giữa định hướng giá trị và hành vi trách nhiệm xã hội có một mối quan hệ tuyến tính với nhau. Kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa trong việc nâng cao hành vi trách nhiệm xã hội cho thanh niên thông qua việc giáo dục, định hướng giáo dục cho họ.

Từ khóa: Định hướng giá trị; Hành vi trách nhiệm xã hội; Mối tương quan giữa định hướng giá trị và hành vi trách nhiệm xã hội; Thanh niên.

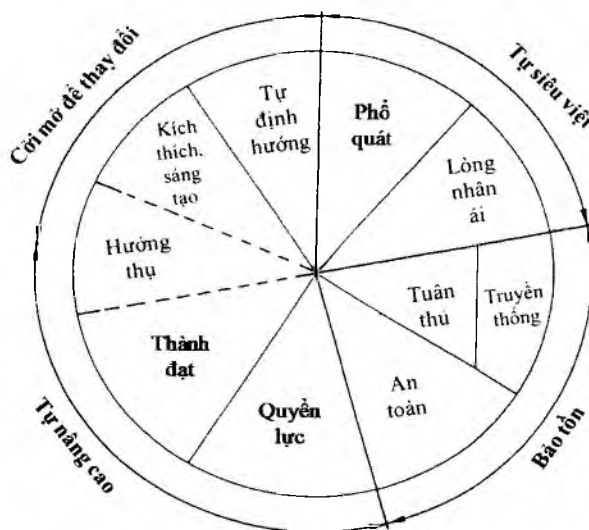
Ngày nhận bài: 31/3/2020; Ngày duyệt đăng bài: 25/4/2021.

1. Đặt vấn đề

Giá trị là niềm tin bậc cao hướng dẫn thái độ và hành vi (Hitlin và Piliavin, 2004). Theo Schwartz (1992, 2006), giá trị đóng vai trò chuẩn mực hay tiêu chuẩn của hành vi. Giá trị hướng dẫn việc lựa chọn và đánh giá hành vi, chính sách, con người và sự kiện. Những ảnh hưởng của giá trị trong các quyết định hàng ngày là khá rõ nét.

Nghiên cứu về định hướng giá trị (hay hệ giá trị cơ bản) của con người, nhất là trong khoa học Tâm lý không phải là mới. Tính đến nay, đã có rất nhiều tác giả nghiên cứu, đề xuất các lý thuyết và mô hình nghiên cứu về hệ giá trị cơ bản của con người và một trong những tác giả tiêu biểu nhất là Schwartz - tác giả của Lý thuyết Giá trị cơ bản của con người. Schwartz (1992) đã xác định 10 giá trị cơ bản trong lý thuyết giá trị - những giá trị mang tính phổ quát trên khắp các nền văn hóa của thế giới. Các giá trị đó không phải là một bộ sưu tập lỏng lẻo và không liên quan với nhau, trái lại, chúng được kết nối một cách có hệ thống. Trọng tâm của lý thuyết này cho rằng, các giá trị tạo thành một cấu trúc vòng tròn, sao cho mỗi một giá trị đều liên quan đến các giá trị khác; và

được phân chia thành 4 chiều cạnh là: *Cởi mở để thay đổi*; *Tự siêu việt*; *Bảo tồn* và *Tự nâng cao* (hình 1). Trong đó, một số giá trị, như lòng nhân từ và quyền lực mâu thuẫn với nhau, những giá trị khác như sự phù hợp và an toàn lại tương thích với nhau... Cũng theo lý thuyết này, thứ tự ưu tiên các giá trị của mỗi cá nhân hoặc nhóm xã hội cũng khác nhau; thậm chí, thứ tự ưu tiên đó còn có thể khác nhau ở cùng một người, biến đổi theo tuổi tác, điều kiện sống, giới tính và môi trường giáo dục. Các giá trị cá nhân là những tiêu chuẩn vượt qua tính hướng đặc biệt. Nhìn chung, giá trị sẽ hướng dẫn cho việc đánh giá hoàn cảnh và việc quyết định thực hiện hành vi tùy theo thứ tự tầm quan trọng của nó (Schwartz, 1992).



Hình 1: Cấu trúc giá trị cơ bản của Schwartz (1992)

Trong nghiên cứu này, các giá trị của thanh niên được tìm hiểu sẽ dựa theo lý thuyết Giá trị cơ bản của con người của Schwartz (1992), với nội dung của 10 giá trị cơ bản là:

- *Tự định hướng*: Tư duy độc lập; hành động tự lựa chọn; cá nhân tự chủ.
- *Kích thích, sáng tạo*: Thích một cuộc sống đa dạng, thú vị; thích cái mới và sự thử thách trong cuộc sống.
- *Hưởng thụ*: Sự tận hưởng cuộc sống, niềm vui; đáp ứng nhu cầu sinh học.
- *Thành đạt*: Được thành công; được thừa nhận theo tiêu chuẩn của xã hội; được xã hội chấp nhận.
- *Quyền lực*: Mong muốn kiểm soát xã hội hoặc thống trị người khác.
- *An toàn*: Đề cao sự an toàn, ổn định xã hội; thích sự yên ổn của bản thân và gia đình.

- *Tuân thủ*: Đề cao sự kiểm chế các xung đột; đề cao sự tuân thủ các quy định, chuẩn mực của xã hội.

- *Truyền thống*: Tôn trọng giá trị truyền thống, tư tưởng lâu bền của dân tộc, nhóm xã hội; hướng đến sự đoàn kết cộng đồng.

- *Lòng nhân ái*: Bảo vệ người khác; nhu cầu chia sẻ, hỗ trợ và giúp đỡ người khác.

- *Phổ quát*: Đề cao sự hiểu biết; khoan dung; bảo vệ quyền và lợi ích con người, dân tộc; coi trọng bảo vệ môi trường và đề cao sự công bằng, bình đẳng.

Hành vi trách nhiệm xã hội là một khía cạnh biểu hiện của ý thức trách nhiệm xã hội. Theo chúng tôi, hành vi trách nhiệm xã hội là các hành động, phản ứng tuân theo các chuẩn mực đạo đức, xã hội và luật pháp của con người trong hoàn cảnh, tình huống nhất định, thể hiện sự quan tâm của họ đến phúc lợi của người khác và của xã hội (Nguyễn Tuấn Anh, 2019). Trong mọi xã hội, các cá nhân, cộng đồng có thể thể hiện ý thức trách nhiệm xã hội của mình thông qua những hành vi khác nhau như: làm sạch đường phố; tham gia tổ chức các sự kiện liên quan đến lịch sử địa phương, đất nước; giúp đỡ trẻ em, người già neo đơn... Ý thức trách nhiệm cũng có thể được thể hiện bằng cách: đóng góp đồ đạc, tiền bạc cho các tổ chức tình nguyện, từ thiện hoặc thông qua việc sử dụng và tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ (Benabou và Tirole, 2009; Omoto và Snyder, 1995 - dẫn theo Nguyễn Tuấn Anh, 2019). Theo một góc nhìn khác, các hành động trách nhiệm xã hội mà những người bình thường có thể thực hiện bao gồm: tình nguyện; tiết kiệm năng lượng thông qua sử dụng các phương tiện giao thông công cộng hoặc tắt các thiết bị điện gia đình không sử dụng hoặc liên hệ với các cơ quan quản lý để góp ý cho họ về hệ thống luật pháp đang vận hành (Nguyễn Tuấn Anh, 2019). Trong nghiên cứu này, các hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên sẽ được tìm hiểu là: *Tham gia tình nguyện, từ thiện; Giúp đỡ người khác; Đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực xã hội; Bảo vệ môi trường và Tham gia các hoạt động chính trị, pháp luật*.

Thanh niên được coi là một nhóm xã hội, gồm những cá nhân ở giai đoạn đầu của tuổi trưởng thành. Họ đang ở thời kỳ khám phá bản thân và vị trí của bản thân trong xã hội. Họ luôn nỗ lực tạo ra bản sắc cá nhân, loại bỏ các giá trị và hành vi được cho là không phù hợp với hình ảnh bản thân mà họ đang tạo ra (Dembo và Eaton, 2000 - dẫn theo Nguyễn Tuấn Anh, 2019). Những người ở tuổi thanh niên sẽ trở nên nhiệt tình hơn khi họ quan tâm đến các vấn đề đạo đức (Gilligan và Wiggins, 1987), bao gồm trách nhiệm xã hội (Hardy và cộng sự, 2014 - dẫn theo Nguyễn Tuấn Anh, 2019).

Nhiều nghiên cứu đã cung cấp những bằng chứng cho thấy giá trị có liên quan đến hành vi (Bardi và Schwartz, 2003), tuy nhiên mối quan hệ này có độ biến thiên rất cao. Cá nhân thích thực hiện các hành vi nhằm đạt những giá

trị mục tiêu, những hành vi mang giá trị theo đuổi hơn là những hành vi vì những giá trị xung đột với nhu cầu của họ. Về vấn đề này, một số nghiên cứu cho thấy, giá trị có tương quan rất cao với hành vi, trong khi đó, một số khác cho thấy, việc dự báo của giá trị đối với hành vi là rất yếu (Bardi và Schwartz, 2003; Sagiv và Schwartz, 1995).

Bên cạnh đó, cũng có rất nhiều nghiên cứu thực nghiệm cho thấy, giá trị đóng vai trò như một nguyên nhân - kết quả của hành vi (Rokeach, 1973; Feather, 1990; Schwartz, 1992; Seligman và Katz, 1996; Maio và Olson, 1998; Varplanken và Holland, 2002; Sagiv, Sverdlík và Schwartz, 2011 - dẫn theo Nguyễn Tuấn Anh, 2018). Giá trị và hành vi có mối quan hệ với nhau thông qua một hệ thống giá trị động, theo đó, hành vi ở người này được thúc đẩy bởi giá trị này nhưng ở người khác là giá trị khác. Một số giá trị hỗ trợ nhau, nhưng một số giá trị lại mang tính loại trừ nhau. Lúc đó, con người hành động dựa trên việc xác định giá trị nào là động lực chính để đưa ra quyết định thực hiện hành vi (Bardi và Schwartz, 2003; Schwartz, 1992, 1996). Nhiều giá trị có thể sẽ chỉ thúc đẩy một hành vi nhất định. Bardi và Schwartz (2003) cho rằng, quan hệ giá trị - hành vi mạnh mẽ hơn khi có những tác động từ phía chuẩn mực, quy tắc để đảm bảo rằng giá trị được tuân thủ hoặc bị hạn chế.

Nghiên cứu này của chúng tôi bên cạnh đánh giá thực trạng định hướng giá trị và hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên, còn hướng đến mục tiêu tìm hiểu mối quan hệ giữa hai yếu tố đó.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Bảng 1: Cơ cấu khách thể nghiên cứu

Đặc điểm		Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Đặc điểm		Số lượng người	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	278	46,3	Nhóm tuổi	16 đến dưới 23	405	67,5
	Nữ	322	53,7		23 đến 30	195	32,5
Nghề nghiệp	Nông dân	58	9,7	Khu vực sinh sống	Thành thị	247	41,2
	Công nhân	99	16,5		Nông thôn	353	58,8
	Công chức, viên chức	152	25,3				
	Sinh viên	291	48,5				
Tổng mẫu		600	100	Tổng mẫu		600	100

Khách thể được chọn nghiên cứu là 600 thanh niên trong độ tuổi từ đủ 16 đến 30 tuổi⁽¹⁾ (tuổi trung bình là 21,9; độ lệch chuẩn (SD) là 4,1 tuổi) hiện đang sinh sống, làm việc và học tập tại thành phố Hải Phòng và tỉnh Thừa Thiên - Huế. Cơ cấu mẫu cụ thể được trình bày trong bảng 1.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Công cụ 1: Thang đo Định hướng giá trị của Schwartz (phiên bản rút gọn)

Thang đo Định hướng giá trị (hay còn gọi là Bảng khảo sát giá trị) được Schwartz xây dựng và đề xuất năm 1992, bao gồm một tập hợp toàn diện các giá trị cơ bản của con người, rất thích hợp cho các nghiên cứu xuyên văn hóa. Thang đo gồm 40 mệnh đề, tương ứng với 40 giá trị cụ thể thuộc 10 nhóm giá trị đại diện. Người trả lời sẽ đánh giá tầm quan trọng của mỗi giá trị như là một hướng dẫn cho nguyên tắc sống và hành động của bản thân họ. Để xác định tầm quan trọng cho mỗi nhóm giá trị, dữ liệu thu về sẽ được tính điểm trung bình cho mỗi nhóm đó.

Trên thực tế, trong nhiều trường hợp, việc trả lời cả 40 mệnh đề (tương ứng với 40 giá trị cụ thể) là khá mất thời gian và công sức. Chính vì thế, nhóm tác giả Lindeman và Verkasalo (2005) đã đề xuất, thích nghi và đưa vào sử dụng một thang đo ngắn gọn hơn, gọi là thang đo Định hướng giá trị hay Bảng khảo sát giá trị (phiên bản rút gọn). Thang đo có độ tin cậy và độ hiệu lực tốt và được đánh giá là có giá trị tương đương với thang đo gốc. Thang đo này bao gồm 10 mệnh đề tương ứng với 10 giá trị cơ bản của con người (thay vì dùng 40 mệnh đề). Mười giá trị này được minh họa bằng 10 mô tả đặc trưng nhất về một mẫu hình. Các mệnh đề gồm: (1) *Bạn là người coi trọng quyền lực và muốn kiểm soát người khác* (tương ứng giá trị Quyền lực); (2) *Bạn là người rất đề cao sự thành đạt và mong muốn đạt được nhiều thành tích trong cuộc sống* (tương ứng giá trị Thành đạt); (3) *Bạn thích một cuộc sống hưởng thụ, an nhàn và được thỏa mãn các thú vui* (tương ứng giá trị Hưởng thụ); (4) *Bạn thích một cuộc sống đầy thử thách, táo bạo* (tương ứng giá trị Kích thích, sáng tạo); (5) *Bạn đề cao sự sáng tạo, độc lập và coi trọng việc lựa chọn mục tiêu cho chính mình* (tương ứng giá trị Tự định hướng); (6) *Bạn coi trọng và đề cao vẻ đẹp của thiên nhiên và nghệ thuật, sự công bằng, bình đẳng, trí tuệ...* (tương ứng giá trị Phổ quát); (7) *Bạn là người quý trọng lòng trung thành, trách nhiệm, coi việc sống là phải giúp đỡ người khác* (tương ứng giá trị Lòng nhân ái); (8) *Bạn là người tôn trọng truyền thống, khiêm tốn, tôn trọng các quy định, chuẩn mực của xã hội* (tương ứng giá trị Truyền thống); (9) *Bạn là người luôn kính trọng, vâng lời người lớn tuổi; lịch sự và ít có sự phản kháng* (tương ứng giá trị Tuân thủ) và (10) *Bạn coi trọng một cuộc sống an toàn cho cá nhân, gia đình, xã hội và luôn đề cao trật tự xã hội* (tương ứng giá trị An toàn).

Thang đo được thiết kế dạng Likert 5 bậc từ 1- *Không giống tôi chút nào* đến 5- *Rất giống tôi*. Hệ số Alpha của Cronbach của thang đo trong nghiên cứu này là 0,79. Điểm trung bình (M) của các giá trị càng cao thể hiện mức độ ưu tiên các giá trị của thanh niên càng lớn, nói cách khác, giá trị càng quan trọng đối với thanh niên và ngược lại.

Trong nghiên cứu này, thang đo Định hướng giá trị (phiên bản rút gọn) được sử dụng để đánh giá định hướng giá trị của khách thể nghiên cứu.

Công cụ 2: Thang đo Hành vi trách nhiệm xã hội

Thang đo này do tác giả tự xây dựng, thích nghi. Thang đo được thiết kế theo dạng gồm tập hợp các tình huống giả định (14 tình huống) để tìm hiểu xu hướng/ý định thực hiện hành vi trách nhiệm của thanh niên trong các lĩnh vực cụ thể (tương ứng với các tiểu thang): *Tham gia tình nguyện, từ thiện; Giúp đỡ người khác; Đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực xã hội; Bảo vệ môi trường và Tham gia các hoạt động chính trị, pháp luật*. Các phương án lựa chọn được thiết kế theo dạng thang thứ bậc, tương ứng các mức độ của tính trách nhiệm xã hội từ “không có tính trách nhiệm xã hội” đến “tính trách nhiệm xã hội cao” (tương ứng thang Likert 3 bậc). Chẳng hạn như: *Giả sử bạn nhặt được một số tiền hoặc một tài sản có giá trị lớn. Nhiều khả năng bạn sẽ: 1. Giữ nó làm của riêng và không có ý định trả lại (Không có tính trách nhiệm xã hội); 2. Cứ giữ lại và chờ xem có ai lên tiếng bị mất hay không rồi tính (Tính trách nhiệm xã hội ở mức thấp); 3. Liên hệ với công an hoặc thông báo để trả lại cho người mất (Tính trách nhiệm xã hội ở mức cao)*. Hoặc *Nếu trong trường hợp được chứng kiến một hiện tượng tiêu cực xã hội, nhiều khả năng bạn sẽ: 1. Không quan tâm vì đó không phải là việc của mình (Không có tính trách nhiệm xã hội); 2. Chờ xem người khác làm gì xong rồi làm theo (Tính trách nhiệm xã hội ở mức thấp); 3. Thông báo với các cơ quan chức năng và những người có trách nhiệm hoặc 4. Tự nguyện cùng mọi người tham gia đấu tranh (Tính trách nhiệm xã hội ở mức cao)*. Hệ số Alpha của Cronbach của thang đo này bằng 0,83. Điểm trung bình càng cao thể hiện tính trách nhiệm xã hội trong hành vi của thanh niên càng cao và ngược lại.

2.3. Xử lý số liệu

Dữ liệu sau khi thu về được xử lý bằng phần mềm SPSS 25.0. Các phép toán được sử dụng bao gồm: điểm trung bình (M); độ lệch chuẩn (SD); các phép kiểm định T-test, Anova; tương quan; hồi quy đơn biến, đa biến.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Định hướng giá trị của thanh niên trong mẫu nghiên cứu

3.1.1. Định hướng giá trị của thanh niên trên toàn mẫu nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy, 5 giá trị mà thanh niên tham gia nghiên cứu này coi trọng nhất (sắp xếp theo thứ tự quan trọng giảm dần) là: *An toàn*, *Tuân thủ*, *Lòng nhân ái*, *Phổ quát* và *Truyền thống*. So sánh nghiên cứu này với một nghiên cứu của chúng tôi đã từng thực hiện năm 2018, trên khách thể thanh niên Hà Nội cho thấy, giá trị *An toàn* vẫn là giá trị mà thanh niên coi là quan trọng nhất với bản thân. Xét theo các chiều cạnh giá trị cho thấy, thanh niên coi trọng các giá trị thuộc chiều cạnh *Bảo tồn* và *Tự siêu việt* hơn những giá trị thuộc chiều cạnh *Cởi mở để thay đổi* và *Tự nâng cao*. Kết quả này cũng tiếp tục củng cố cho các kết quả trước đó của chúng tôi (Nguyễn Tuấn Anh, 2018).

Bảng 2: Định hướng giá trị của thanh niên
(sắp xếp theo mức độ ưu tiên giá trị giảm dần)

Giá trị	M	SD	Chênh lệch so với điểm trung bình chung
1. An toàn	4,02	0,98	0,43
2. Tuân thủ	4,00	0,93	0,41
3. Lòng nhân ái	3,98	0,95	0,39
4. Phổ quát	3,89	0,97	0,30
5. Truyền thống	3,84	0,95	0,25
6. Tự định hướng	3,83	0,96	0,24
7. Thành đạt	3,39	1,13	-0,20
8. Kích thích, sáng tạo	3,29	1,05	-0,30
9. Hưởng thụ	3,20	1,17	-0,39
10. Quyền lực	2,44	1,26	-1,35
<i>Chiều cạnh giá trị</i>			
1. Bảo tồn	3,94	0,77	0,35
2. Tự siêu việt	3,93	0,82	0,34
3. Cởi mở để thay đổi	3,44	0,79	-0,15
4. Tự nâng cao	2,92	0,94	-0,67
Điểm trung bình chung	3,59	0,61	

3.1.2. Định hướng giá trị của thanh niên so sánh theo các lớp cắt ngang

Định hướng giá trị của thanh niên so sánh theo giới tính, khu vực sinh sống và nhóm tuổi

Bảng 3: Sự khác biệt về điểm trung bình định hướng giá trị của thanh niên phân theo giới tính, khu vực sinh sống và nhóm tuổi

Giá trị	Giới tính			Khu vực sinh sống			Nhóm tuổi		
	Nam	Nữ	F-test (p)	Thành thị	Nông thôn	F-test (p)	16 đến dưới 23 tuổi	23 đến 30 tuổi	F-test (p)
1. Lòng nhân ái	-	-	-	3,87	4,05	8,278 (0,022)	-	-	-
2. Quyền lực	2,62	2,29	0,305 (0,001)	-	-	-	-	-	-
3. Thành đạt	-	-	-	-	-	-	3,46	3,24	4,891 (0,023)
4. Hưởng thụ	-	-	-	-	-	-	3,32	2,96	5,687 (< 0,001)
5. Kích thích, sáng tạo	-	-	-	-	-	-	3,40	3,04	11,423 (< 0,001)
6. Tự định hướng	-	-	-	-	-	-	3,91	3,66	0,012 (0,003)

Ghi chú: bảng trên chỉ thể hiện những số liệu có ý nghĩa về mặt thống kê ($p < 0,05$); "-" thể hiện số liệu không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Kết quả kiểm định T-test cho thấy:

- Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về hầu hết các giá trị được tìm hiểu (xét theo điểm trung bình) giữa nam và nữ thanh niên, trừ giá trị Quyền lực. Theo đó, nam thanh niên coi trọng giá trị Quyền lực hơn nữ thanh niên (chênh lệch 0,33 điểm trung bình; $p < 0,05$). Kết quả này phù hợp với những phát hiện trước đó của Rokeach (1973), Feather (1984), Bond (1988), Beutel và Marini (1995) và Di Dio, Sarajgovi và Abube (1996) (các kết quả này dẫn theo Dejene Yegletu và Raju, 2009; Schwartz và Rubel, 2005; Schwartz và Rubel-Lifschitz, 2009).

- Tương tự, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về hầu hết các giá trị được tìm hiểu (xét theo điểm trung bình) giữa các nhóm thanh niên theo

khu vực sinh sống, ngoại trừ giá trị Lòng nhân ái. Xét theo điểm trung bình của giá trị này, những thanh niên sống tại khu vực nông thôn coi trọng giá trị Lòng nhân ái hơn những thanh niên sống tại khu vực thành thị (chênh lệch 0,18 điểm trung bình; $p < 0,05$).

- Có sự khác biệt về một số giá trị giữa các nhóm thanh niên theo độ tuổi: những thanh niên trong nhóm tuổi từ 16 đến dưới 23 tuổi đề cao các giá trị Thành đạt; Hưởng thụ; Kích thích, sáng tạo và Tự định hướng hơn nhóm thanh niên từ 23 đến 30 tuổi.

Định hướng giá trị của thanh niên so sánh theo nghề nghiệp

Kết quả kiểm định cho thấy, định hướng giá trị của thanh niên giữa các nhóm nghề nghiệp khác nhau cũng có những sự khác biệt nhất định. Cụ thể:

- Thanh niên công chức, viên chức và thanh niên sinh viên coi trọng các giá trị *Phổ quát*, *Tuân thủ* và *An toàn* hơn thanh niên công nhân; trong khi đó, thanh niên công nhân coi trọng giá trị *Kích thích*, *sáng tạo* hơn thanh niên công chức, viên chức.

- Thanh niên công nhân coi trọng giá trị *Quyền lực* và *Hưởng thụ* hơn các nhóm thanh niên khác.

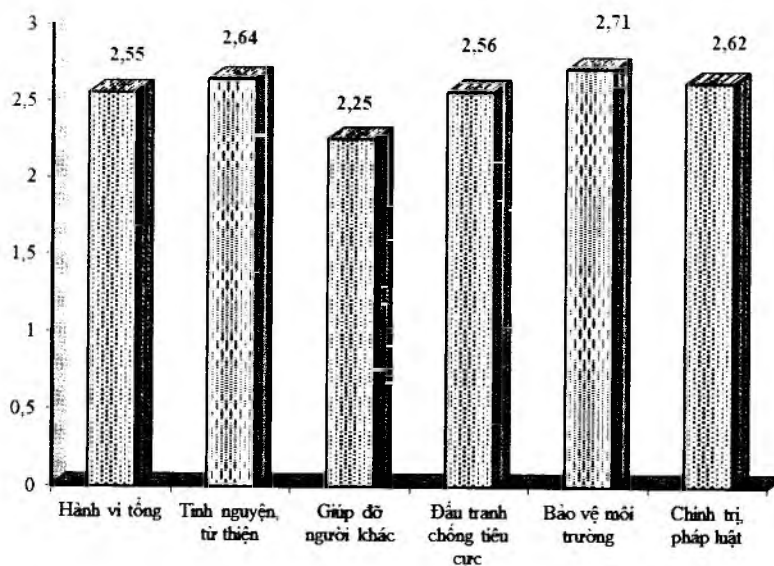
Bảng 4: Sự khác biệt về điểm trung bình định hướng giá trị của thanh niên phân theo nghề nghiệp

Giá trị	Nghề nghiệp				F-test (p)	Post-Hoc (p)
	Nông dân (1)	Công nhân (2)	Công chức, viên chức (3)	Sinh viên (4)		
1. Quyền lực	1,84	3,00	2,30	2,45	12,097 ($< 0,001$)	1 < 4 < 3 ($< 0,001$); 1 < 3 < 2 ($< 0,001$)
2. Hưởng thụ	2,69	3,46	3,00	3,32	8,233 ($< 0,001$)	1 < 4 < 2 ($< 0,001$); 3 < 4 < 2 ($< 0,001$)
3. Kích thích, sáng tạo	3,16	3,47	3,05	3,37	4,544 (0,004)	3 < 2 (0,001)
4. Phổ quát	3,71	3,70	3,95	3,96	2,638 (0,049)	2 < 3 (0,003); 2 < 4 ($< 0,001$)
5. Tuân thủ	3,91	3,70	4,03	4,10	4,917 (0,002)	2 < 3 ($< 0,001$); 2 < 4 (0,016)
6. An toàn	3,98	3,78	4,04	4,10	2,675 (0,046)	2 < 3 (0,022); 2 < 4 ($< 0,001$)

3.2. Hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên trong mẫu nghiên cứu

3.2.1. Hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên trên toàn mẫu nghiên cứu

Kết quả điểm thang đo về hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên trên toàn mẫu nghiên cứu cho thấy, điểm trung bình là 2,55/3,00; độ lệch chuẩn là 0,31. Cả hành vi tổng và các nhóm hành vi thành phần đều có điểm trung bình lớn hơn điểm trung bình của thang đo ba bậc. Tỷ lệ phân tán điểm trung bình chỉ là khoảng 12,2% cho thấy miền trả lời của khách thể là khá tập trung. Tỷ lệ thanh niên có điểm trung bình về mức độ hành vi trách nhiệm xã hội từ điểm trung vị của thang đo trở lên (Median = 2,64) là khoảng 52,9% (tương ứng 231/437 thanh niên có câu trả lời rõ ràng về tính trách nhiệm xã hội). Như vậy, có thể thấy, trên 1/2 thanh niên tham gia khảo sát thực hiện hành vi trách nhiệm xã hội ở mức độ khá tích cực.



Biểu đồ 1: Thực trạng hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên trên toàn mẫu nghiên cứu

Xem xét xu hướng các nhóm hành vi trách nhiệm xã hội thành phần, ta thấy: thanh niên có xu hướng thực hiện các hành vi bảo vệ môi trường ở mức cao nhất ($M = 2,71$; $SD = 0,43$) và thấp nhất là nhóm hành vi giúp đỡ người khác ($M = 2,25$; $SD = 0,28$), với khoảng cách chênh lệch điểm trung bình là 0,46 điểm. Nhóm hành vi tình nguyện, từ thiện cũng được thanh niên thực hiện khá cao (xếp thứ hai về điểm trung bình với 2,62 điểm). Qua tìm hiểu việc thực hiện hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên một cách cụ thể hơn, chúng tôi phát hiện được một số điều sau:

Thứ nhất, không phải thanh niên nào muốn tham gia tình nguyện, từ thiện cũng được thực hiện. Quá trình tuyển chọn, xét duyệt thanh niên vào đội thanh niên tình nguyện phải trải qua rất nhiều vòng tuyển chọn. Những điều kiện như sức khỏe, thành tích học tập, sự tích cực tham gia các hoạt động Đoàn, Hội là một lợi thế để thanh niên có thể được xem xét tuyển lựa.

Thứ hai, 77,2% thanh niên trong nghiên cứu có điều kiện kinh tế (mức sống) từ trung bình trở xuống. Do đó, điều kiện để thanh niên tham gia vào các hoạt động từ thiện cũng khá hạn chế. Kết quả trên đây phù hợp với thực tế điều kiện sống tương đối khó khăn của nhiều thanh niên trong nghiên cứu này.

3.2.2. Hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên so sánh theo các lớp cắt ngang

Hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên theo giới tính và nhóm tuổi

Kết quả kiểm định cho thấy, giữa nam thanh niên và nữ thanh niên có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tính trách nhiệm xã hội trong thực hiện hành vi tình nguyện, từ thiện và bảo vệ môi trường. Theo đó, tính trách nhiệm xã hội trong thực hiện các hành vi này ở nữ thanh niên cao hơn nam thanh niên, với mức độ chênh lệch điểm trung bình của cả hai nhóm là 0,08 điểm. Những kết quả tương tự cũng được báo cáo bởi Zelezny và cộng sự (2000). Những tác giả này đã tiến hành phân tích một nghiên cứu quy mô lớn trên 14 quốc gia trong thời gian 10 năm (từ năm 1988 đến năm 1998) và nhận thấy rằng, phụ nữ thực hiện hành vi bảo vệ môi trường nhiều hơn nam giới (dẫn theo Nguyễn Tuấn Anh, 2018). Kết luận này cũng được bổ sung bởi nghiên cứu trên một mẫu khách thể tại châu Âu bởi nhóm tác giả Matthies, Kuhn và Klockner (2002) và tại Mỹ bởi Sherkat và Ellison (2007) (dẫn theo Nguyễn Tuấn Anh, 2018). Nghiên cứu của rất nhiều tác giả khác trên thế giới như: Einolf (2011); Kamas, Preston và Baum (2008); Mesch và cộng sự (2006); Mesch (2011); Piper và Schnepf (2008); Mesch và cộng sự (2011); Rooney và cộng sự (2005); Simmons và Emanuele (2007); Leslie, Snyder và Glomb (2012) cũng đã báo cáo rằng có sự khác biệt giữa nam và nữ trong thực hiện các hành vi từ thiện, tình nguyện (dẫn theo Nguyễn Tuấn Anh, 2019). Những tác giả này cho rằng, phụ nữ có nhiều khả năng quyên góp tiền và thời gian cho các tổ chức từ thiện, tình nguyện nhiều hơn nam giới. Cả nam và nữ giới đều có mức độ thực hiện các hành vi này khác nhau cũng như với những lý do khác nhau. Chẳng hạn, nữ giới có xu hướng tham gia các hoạt động tình nguyện, từ thiện trong lĩnh vực giáo dục và chăm sóc sức khỏe (Einolf, 2011; Mesch, 2011; Piper và Schnepf, 2008 - dẫn theo Nguyễn Tuấn Anh, 2019) trong khi nam giới thường tham gia vào các hoạt động tình nguyện, từ thiện trong lĩnh vực thể thao, giải trí và các tổ chức tình nguyện về bảo vệ quyền công dân (Einolf, 2011 - dẫn theo Nguyễn

Tuấn Anh, 2019). Theo nghiên cứu của Baumeister và Sommer (1997), đàn ông có xu hướng giúp đỡ người lạ thường xuyên hơn so với phụ nữ, trong khi phụ nữ lại thường có xu hướng giúp đỡ những người có quan hệ gần gũi và thân thiết với họ hơn.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy: thanh niên trong độ tuổi từ 23 đến 30 tuổi có xu hướng tham gia các hoạt động mang tính trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực chính trị và pháp luật cao hơn so với những thanh niên tuổi từ 16 đến dưới 23 tuổi (điểm trung bình lần lượt là 2,68 và 2,58; $p < 0,05$). Sự khác biệt này dường như khá phù hợp với sự phát triển tâm lý và sự phát triển trách nhiệm, vai trò xã hội của thanh niên. Thanh niên ở giai đoạn tuổi sau dường như có sự trưởng thành hơn về mặt chính trị, am hiểu hơn về luật pháp hơn thanh niên trong giai đoạn tuổi đầu thanh niên. Hơn nữa, với kinh nghiệm, vốn sống nhiều hơn của nhóm tuổi này cũng có thể là lý do khiến cho cơ hội tham gia các hoạt động chính trị, pháp luật dễ dàng hơn nhóm tuổi đầu thanh niên chăng?

Bảng 5: Sự khác biệt về hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên theo giới tính và nhóm tuổi

Đặc điểm khách thể		Hành vi		
		Tình nguyện, từ thiện	Bảo vệ môi trường	Tham gia các hoạt động chính trị, pháp luật
Giới tính	Nam	2,60	2,67	Không có khác biệt
	Nữ	2,68	2,75	
	F-test (p)	-1,992 (0,047)	-2,245 (0,025)	
Nhóm tuổi	Từ 16 đến dưới 23 tuổi	Không có khác biệt	Không có khác biệt	2,58
	Từ 23 đến 30 tuổi			2,68
	F-test (p)			-2,190 (0,026)

Ghi chú: Bảng trên chỉ thể hiện những số liệu có ý nghĩa về mặt thống kê, với $p < 0,05$.

Hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên theo nghề nghiệp

Kết quả kiểm định Anova và Post-Hoc cho thấy, hành vi tham gia các hoạt động chính trị, pháp luật không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm thanh niên có nghề nghiệp khác nhau. Trong khi đó, hành vi trách

nhệm xã hội tổng hợp, cũng như các nhóm hành vi trách nhiệm xã hội cụ thể khác đều có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm thanh niên có nghề nghiệp khác nhau. Tuy nhiên, sự khác biệt không phủ rộng trên toàn thể các nhóm theo nghề nghiệp, mà sự theo từng cặp nhóm nghề nghiệp. Cụ thể: Thanh niên nông dân thể hiện tính trách nhiệm xã hội trong các hành vi trách nhiệm xã hội tổng hợp; giúp đỡ người khác; đấu tranh chống tiêu cực và bảo vệ môi trường cao hơn các nhóm thanh niên ở các nghề nghiệp khác. Trong khi đó ở hành vi tình nguyện, từ thiện, sự tham gia của thanh niên nông dân; thanh niên công chức, viên chức; thanh niên sinh viên tích cực hơn thanh niên công nhân. Đặc biệt, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tính trách nhiệm xã hội trong tham gia các hoạt động chính trị, pháp luật giữa các nhóm thanh niên có nghề nghiệp khác nhau.

Bảng 6: Sự khác biệt về điểm trung bình hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên theo nghề nghiệp

Nghề nghiệp	Hành vi trách nhiệm xã hội				
	Trách nhiệm xã hội tổng hợp	Tình nguyện, từ thiện	Giúp đỡ người khác	Đấu tranh chống tiêu cực	Bảo vệ môi trường
Nông dân (I)	2,69	2,72	2,35	2,77	2,84
Công nhân (II)	2,54	2,51	2,24	2,58	2,69
Công chức, viên chức (III)	2,57	2,64	2,26	2,53	2,73
Sinh viên (IV)	2,52	2,67	2,22	2,53	2,69
F-Test (p)	3,774 (0,011)	4,174 (0,006)	3,211 (0,023)	3,947 (0,008)	2,341 (0,042)
Post-Hoc	(I) > (II); (I) > (III); (I) > (IV)	(II) < (I); (II) < (III); (IV) > (II)	(I) > (II); (I) > (III); (I) > (IV)	(I) > (II); (I) > (III); (I) > (IV)	(I) > (II); (I) > (III); (I) > (IV)

3.3. Mối quan hệ giữa định hướng giá trị và hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên trong mẫu nghiên cứu

3.3.1. Tương quan giữa định hướng giá trị và hành vi trách nhiệm xã hội

Kết quả phân tích tương quan Pearson cho thấy, trong số 10 giá trị cơ bản, chỉ có 5/10 giá trị có mối tương quan với hành vi trách nhiệm xã hội, trong đó có ba giá trị tương quan thuận, yếu gồm: Thành đạt ($r = 0,147$; $p < 0,01$); Lòng nhân

ái ($r = 0,161$; $p < 0,01$) và Truyền thông ($r = 0,145$; $p < 0,01$) và hai giá trị tương quan nghịch, yếu gồm: Quyền lực ($r = -0,189$; $p < 0,01$); Hưởng thụ ($r = -0,167$; $p < 0,01$). Điều này đồng nghĩa với việc 5 giá trị còn lại bao gồm: Tự định hướng; Kích thích, sáng tạo; Phổ quát; Tuân thủ và An toàn sẽ không có tương quan với hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên.

Kết quả trên có ý nghĩa rằng, khi thanh niên càng coi trọng các giá trị Thành đạt; Lòng nhân ái và Truyền thông thì họ càng có xu hướng thực hiện nhiều các hành vi mang tính trách nhiệm xã hội. Ngược lại, khi thanh niên càng coi trọng các giá trị Quyền lực và Hưởng thụ thì thanh niên có xu hướng thực hiện càng ít các hành vi mang tính trách nhiệm xã hội.

Bảng 7: *Tương quan pearson giữa giá trị và hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên*

Giá trị	Hành vi trách nhiệm xã hội tổng hợp
1. Quyền lực	-0,189**
2. Thành đạt	0,147**
3. Hưởng thụ	-0,167**
4. Tự định hướng	-0,005
5. Kích thích, sáng tạo	0,060
6. Phổ quát	-0,045
7. Lòng nhân ái	0,161**
8. Truyền thông	0,145**
9. Tuân thủ	0,084
10. An toàn	0,001

Ghi chú: **: $p < 0,01$.

3.3.2. Ảnh hưởng của định hướng giá trị đến hành vi trách nhiệm xã hội

Kết quả phân tích hồi quy đơn biến ảnh hưởng của định hướng giá trị đến hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên cho thấy, cả 5 giá trị đưa vào mô hình đều có ảnh hưởng và giải thích được cho sự biến thiên của hành vi trách nhiệm xã hội, song theo hai chiều hướng khác nhau, tuy nhiên mức độ giải thích không cao. Cụ thể: các giá trị Thành đạt; Lòng nhân ái và Truyền thông là những giá trị thúc đẩy hành vi trách nhiệm xã hội, trái lại, các giá trị Quyền lực và Hưởng thụ là những giá trị cản trở việc thực hiện hành vi đó. Nghiên

cứu này cung cấp bằng chứng cho thấy, có thể có một hay nhiều yếu tố nào khác tác động vào mối quan hệ giữa giá trị và hành vi trách nhiệm xã hội làm khúc xạ mối quan hệ này. Mặt khác, nghiên cứu này cũng đóng góp quan điểm vào cuộc tranh luận của các nhà tâm lý học xã hội trong nhiều năm rằng, liệu giá trị có thực sự có ảnh hưởng hay không, ảnh hưởng mạnh hay yếu đến hành vi, trong đó có các hành vi trách nhiệm xã hội?

Bảng 8: Mô hình hồi quy đơn biến ảnh hưởng của giá trị đến hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên

Biến độc lập	Biến phụ thuộc	R ²	R ² Δ	B	t	p
1. Quyền lực	Hành vi trách nhiệm xã hội tổng hợp	0,036	0,034	-0,047	-4,018	< 0,001
2. Thành đạt		0,022	0,019	0,042	3,096	0,002
3. Hưởng thụ		0,028	0,026	-0,046	-3,527	< 0,001
4. Lòng nhân ái		0,026	0,024	0,053	3,401	0,001
5. Truyền thống		0,021	0,019	0,047	3,062	0,002

Khi đưa đồng thời cả 5 giá trị được thanh niên coi là quan trọng nhất vào mô hình hồi quy đa biến để xem xét mức độ ảnh hưởng của các giá trị này đến hành vi trách nhiệm xã hội của họ, kết quả cho thấy:

Trừ giá trị Truyền thống không có ảnh hưởng thì cả 4 giá trị còn lại là Quyền lực; Thành đạt; Hưởng thụ và Nhân ái đều có tác động làm thay đổi mức độ thực hiện hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên, với tỷ lệ giải thích khi tác động đồng thời 4 giá trị là 12,1%. Như vậy, chúng ta thấy, khi tác động đồng thời các giá trị thì khả năng dự báo cho hành vi trách nhiệm xã hội tăng lên đáng kể. Kết quả này củng cố cho quan điểm của Shwartz (2012) khi ông cho rằng, ảnh hưởng đơn lẻ của từng giá trị sẽ yếu ớt hơn rất nhiều so với ảnh hưởng tổng hợp của cả một hệ giá trị đến hành vi.

Trong quá trình tác động đến hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên thì giá trị Quyền lực; Hưởng thụ có ảnh hưởng theo hướng cản trở, kìm hãm; trong khi đó, giá trị Thành đạt và Nhân ái lại thúc đẩy các hành vi này. Khả năng dự báo biểu hiện hành vi trách nhiệm xã hội của giá trị Thành đạt là lớn nhất ($\beta = 0,192$; $p < 0,05$) và khả năng dự báo thấp nhất thuộc về giá trị Nhân ái ($\beta = 0,106$; $p < 0,05$). Xét theo tỷ lệ phần trăm mức độ ảnh hưởng của từng giá trị so với tổng mức độ ảnh hưởng, thì ảnh hưởng của giá trị Thành đạt là

30%; giá trị Quyền lực là 25,6%; giá trị Hưởng thụ là 25% và giá trị Lòng nhân ái là 19,4%.

Bảng 9: Mô hình hồi quy đa biến ảnh hưởng của giá trị đến hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên

Biến độc lập	Biến phụ thuộc	R ²	R ² Δ	β	t	p
1. Quyền lực	Hành vi trách nhiệm xã hội tổng hợp	0,121	0,111	-0,184	-3,654	< 0,001
2. Thành đạt				0,192	3,841	< 0,001
3. Hưởng thụ				-0,166	-3,222	0,001
4. Lòng nhân ái				0,106	2,098	0,036
5. Truyền thống				0,091	1,729	0,085

4. Kết luận

Bài viết trên cho thấy, thanh niên trong mẫu nghiên cứu coi trọng nhất các giá trị: *An toàn, Tuân thủ, Lòng nhân ái, Phổ quát* và *Truyền thống*. Đồng thời, họ thực hiện các hành vi trách nhiệm xã hội với mức độ khá cao, trong đó, hành vi trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực môi trường được thực hiện ở mức cao nhất. Mặc dù các giá trị là động lực thúc đẩy hành vi của thanh niên, song, không phải giá trị nào thanh niên cảm thấy có ý nghĩa và coi trọng cũng là những giá trị thúc đẩy việc thực hiện các hành vi trách nhiệm xã hội. Các giá trị Thành đạt; Lòng nhân ái và Truyền thống là những giá trị thúc đẩy hành vi trách nhiệm xã hội, trái lại, các giá trị Quyền lực và Hưởng thụ là những giá trị cản trở việc thực hiện hành vi đó.

Kết quả của nghiên cứu này củng cố kết luận của nhiều nghiên cứu trước đó khi cho rằng, giá trị và hành vi có mối quan hệ với nhau, song quan hệ đó không thực sự mạnh. Kết quả này cũng hàm ý rằng, giữa mối quan hệ giá trị - hành vi có thể có những yếu tố khác làm tăng hoặc giảm độ mạnh của mối quan hệ này. Đây cũng là gợi ý cho các hướng nghiên cứu tiếp theo trong lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, việc phát hiện ra một mối quan hệ tuyến tính giữa giá trị và hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên trong nghiên cứu này có thể là một trong những căn cứ khoa học trong việc giáo dục nâng cao các hành vi trách nhiệm xã hội của thanh niên thông qua việc định hướng, giáo dục giá trị cho họ.

Chú thích:

1. Độ tuổi quy định của Luật Thanh niên (sửa đổi năm 2020).

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Tuấn Anh (2018). *Hệ giá trị của thanh niên theo Lý thuyết giá trị của Schwartz*. Tạp chí Tâm lý học. Số 4 (229). Tr. 73 - 84.
2. Nguyễn Tuấn Anh (2018). *Mối quan hệ giữa giá trị và hành vi ủng hộ xã hội*. Luận án Tiến sỹ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Tuấn Anh (2019). *Ý thức trách nhiệm xã hội của Thanh niên*. NXB Đại học Quốc gia. Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh

4. Bardi A. and Schwartz S.H. (2003). *Values and behavior: Strength and structure of relations*. Personality and Social Psychology Bulletin. Vol. 29 (10). P. 1.207 - 1.220.
5. Baumeister R.F. and Sommer K.L. (1997). *What do men want? Gender differences and two spheres of belongingness: Comment on Cross and Madson (1997)*. Psychological Bulletin. Vol. 122 (1). P. 38 - 44. DOI: 10.1037/0033-2909.122.1.38.
6. Dejene Yegletu S. and Raju M.V.R. (2009). *Religiosity, gender vs value priorities*. Journal of the Indian Academy of Applied Psychology. Vol. 35. Special Issue. P. 125 - 130.
7. Gilligan C. and Wiggins G. (1987). *The origins of morality in early childhood relationships*. In J. Kagan and S. Lamb (ed.s). *The emergence of morality in early childhood*. Chicago: University of Chicago Press.
8. Hitlin S. and Piliavin J.A. (2004). *Values: Reviving a dormant concept*. Annual Review of Sociology. Vol. 30. P. 359 - 393. DOI: 10.1146/annurev.soc.30.012703.110640.
9. Lindeman M. and Verkasalo M. (2005). *Measuring values with the short Schwartz's value survey*. Journal of Personality Assessment. Vol. 85 (2). P. 170 - 178.
10. Sagiv L. and Schwartz S.H. (1995). *Value priorities and readiness for out-group social contact*. Journal of Personality and Social Psychology. Vol. 69 (3). P. 437 - 448.
11. Schwartz S.H. (1992). *Universals in the content and structure of values: Theoretical advances and empirical tests in 20 countries*. In M.P. Zanna (ed.). *Advances in Experimental Social Psychology*. Vol. 25. P. 1 - 65. Academic Press.
12. Schwartz S.H., Rubel T. (2005). *Sex differences in value priorities: Cross-cultural and multimethod studies*. Journal of Personality and Social Psychology. Vol. 89 (6). P. 1.010 - 1.028.

13. Schwartz S.H., Rubel-Lifschitz T. (2009). *Cross-national variation in the size of sex differences in values: effects of gender equality*. Journal of Personality and Social Psychology. Vol. 97 (1). P. 171 - 185.
14. Schwartz S. (1996). *Value priorities and behavior: Applying a theory of integrated value systems*. In C. Seligman, J.M. Olson and M.P. Zanna (eds.). The Ontario symposium on personality and social psychology. The psychology of values: The Ontario symposium. Vol. 8. P. 1 - 24. Lawrence Erlbaum Associates, Inc.
15. Schwartz S.H. (2006). *Value orientations: Measurement, antecedents and consequences across nations*. In Jowell R., Roberts C., Fitzgerald R. and Eva G. (eds.). Measuring attitudes cross-nationally - lessons from the European Social Survey. P.169 - 203. London. UK: Sage.